

Bản án số: 112/2024/HS-ST

Ngày: 10 - 9 - 2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỎ, TỈNH LAI CHÂU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Huệ;

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Đèo Văn Vĩnh

Ông Lò Văn Chiên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyên - Thư ký TAND huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 111/2024/TLST-HS, ngày 22 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2024/QĐXXST-HS, ngày 28 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

**1. Họ và tên: Vàng Văn P;** sinh năm: 1995, tại huyện P, tỉnh Lai Châu; Nơi cư trú và chỗ ở trước khi bị bắt: bản H, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vàng Văn V, sinh năm 1971; Con bà: Lò Thị B, sinh năm 1973; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

\* *Nhân thân:* Bản án số 65/2013/HSST, ngày 26/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xử phạt Vàng Văn Phòng 24 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, bị cáo đã chấp hành án xong và đã được xóa án tích. Bản án số 02/2016/HSST, ngày 18/11/2016 của Tòa án nhân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu đã xử miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Vàng Văn P1 về hành vi “*Buôn bán hàng cấm*”.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh L cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

**2. Họ và tên: Mào Văn T;** sinh năm: 1993, tại huyện P, tỉnh Lai Châu; Nơi cư trú và chỗ ở trước khi bị bắt: bản Phai Cát, xã K, huyện P, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Mào Văn N, sinh năm 1957; Con

bà: Vàng Thị S, sinh năm 1959; Vợ: Cà Thị H, sinh năm 1997 (đã ly hôn năm 2021); Con: bị cáo có 01 con, sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không;

\* *Nhân thân*: Tại Bản án số: 26/2017/HSST, ngày 27/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xử phạt bị cáo Mào Văn T 20 tháng tù về tội “*Cướp giết tài sản*”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, hiện đã xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh L cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

\**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Ông Mào Văn N, sinh năm 1957, địa chỉ: bản P, xã K, huyện P, tỉnh Lai Châu. (*có đơn xét xử vắng mặt*)

- Chị Vàng Thị P2, sinh năm 1999, địa chỉ: bản H, xã D, huyện P, tỉnh Lai Châu. (*có mặt*)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 17 giờ ngày 08/5/2024, Vàng Văn Phòng đi từ nhà ra bờ suối N, thuộc bản Hợp 1, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu để lấy củ riềng thì gặp 02 người, 01 người là phụ nữ, 01 người là đàn ông, Phòng không rõ lai lịch của họ đang chia Heroine để bán. Thấy thế Phòng đến gần hỏi và mua của người phụ nữ 04 gói Heroine (*02 gói được gói bằng mảnh nilon màu hồng, 02 gói được gói bằng mảnh nilon màu xanh*) với giá 400.000 đồng, mục đích để sử dụng và bán lẻ kiếm lời. Mua được H1 rồi, P1 mang về nhà gói chung lại trong một chiếc khẩu trang màu trắng rồi cất giấu trong túi quần bò treo trong phòng ngủ, không cho ai biết. Trong thời gian từ tối ngày 09/5/2024 đến sáng ngày 10/5/2024, Phòng sử dụng hết 01 gói Heroine.

Đến khoảng 12 giờ 35 phút, ngày 10/5/2024, khi Phòng đang ở nhà thì nhận được điện thoại của người quen là Mào Văn T trú tại xã K, huyện P, hỏi Phòng: anh có kiếm được hàng không (*tức H1*), thì kiếm giùm em 300.000 đồng”. Biết T hỏi mua Heroine, Phòng đồng ý bán và nói: khi nào đến khu vực cửa sổ sau nhà Phòng thì gõ 1 đến 2 tiếng, Phòng sẽ đưa Heroine cho. Một lúc sau, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 25P1-047.44 đến phía sau nhà P1, T kẹp số tiền 300.000 đồng ở cửa sổ rồi gõ 02 tiếng. Nghe thấy tiếng gõ cửa của T, P1 ra lấy tiền 300.000 đồng T kẹp ở cửa sổ rồi vào phòng ngủ lấy 01 gói Heroine ném ra ngoài cửa sổ cho T. T nhặt gói Heroine cất giấu trong lòng bàn tay trái rồi đi tìm chỗ sử dụng. Sau khi mua được H1, Mào Văn T đi về nhà, khi đến bản P, xã K thì bị Công an xã M, huyện P phát hiện, bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy trên người và thu giữ vật chứng là 01 gói Heroine (*gói bằng mảnh nilon màu xanh*), 01 xe mô tô biển kiểm soát 25P1-047.44 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung. Căn cứ lời khai của T, Cơ quan điều tra đã tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp và khám xét khẩn cấp nơi ở của Vàng V, quá trình khám xét Cơ quan điều tra tiếp tục thu giữ của Phòng 02 gói Heroine, 01 mảnh nilon màu hồng, 01 chiếc quần bò. Ngoài ra, P1 tự giao nộp số tiền

300.000 đồng (*là tiền bán ma túy cho T mà có*) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus.

Tại bản Kết luận giám định số 31 ngày 10/5/2024 của người giám định tư pháp theo vụ việc và bản Kết luận giám định số 564 ngày 15/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh L, kết luận: số chất bột màu trắng thu giữ của Vàng Văn Phòng có khối lượng là 0,29 gam là ma túy, loại Heroine.

Tại bản Kết luận giám định số 30 ngày 10/5/2024 của người giám định tư pháp theo vụ việc và bản Kết luận giám định số 563 ngày 13/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh L, kết luận: số chất bột màu trắng thu giữ của Mào Văn T có khối lượng là 0,25 gam là ma túy, loại Heroine.

Đối với số tiền thu giữ của Vàng Văn Phòng, tại bản Kết luận giám định số 571 ngày 16/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: số tiền 300.000 đồng gửi giám định là tiền thật.

Cáo trạng số: 66/CT-VKS, ngày 22/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đã truy tố Vàng Văn Phòng về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự và bị cáo Mào Văn T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Qua xét hỏi, thẩm vấn tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận bị cáo V1 Văn Phòng phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, bị cáo Mào Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” như nội dung bản cáo trạng truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự đối với bị cáo P1 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T; áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự cho cả 2 bị cáo P1 và T, áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T; các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xử phạt bị cáo V1 Văn Phòng 02 năm 04 tháng đến 02 năm 07 tháng tù; bị cáo Mào Văn T 01 năm 04 tháng đến 01 năm 07 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/5/2024. Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo theo khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự và đề nghị xử lý án phí theo quy định của pháp luật.

Về biện pháp tư pháp: áp dụng điểm a, b, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 0,28 gam Heroine còn lại sau giám định, 02 mảnh nilon màu hồng, 02 mảnh nilon màu xanh, 01 khẩu trang màu trắng, 04 phong bì niêm phong đã mở, 01 chiếc quần bò; tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 300.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng; trả lại cho người quản lý hợp pháp là ông Mào Văn N, sinh năm 1957; trú tại bản P, xã K, huyện P, tỉnh Lai Châu 01 xe mô tô biển kiểm soát 25P1-047.44 kèm đăng ký xe; trả lại cho chị Vàng Thị P2, sinh năm 1999, trú tại bản Hợp 2, xã D, huyện P, tỉnh Lai Châu 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus; 01 USB nhãn hiệu Kingston bảo quản lưu trữ cùng hồ sơ vụ án.

Người có quyền lợi liên quan ông Mào Văn N trình bày trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt như sau: bị cáo Mào Văn T là con trai ông, đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 25P1-047.44 bị cáo T mượn của ông để đi mua Heroine sử dụng, ông không biết được biết. Bản thân ông cũng đã giao nộp cho Cơ quan điều tra giấy tờ ông mua bán xe của ông và chứng nhận đăng ký xe mô tô trên mang tên Đèo Văn M và nội dung đơn ông đề nghị Tòa án cho ông xin lại chiếc xe máy trên.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi liên quan chị Vàng Thị P2 trình bày: đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus là điện thoại thuộc quyền sở hữu của chị, do bị cáo Vàng Văn P1 là anh trai ruột nên chị có cho P1 mượn điện thoại Iphone 6S Plus của chị để sử dụng trong khoảng thời gian bị cáo P1 mang điện thoại của bị cáo đi sửa nhưng chị P2 không biết việc P1 dùng chiếc điện thoại của chị để làm phương tiện trao đổi mua bán Heroine với Mào Văn T. Như vậy, quá trình điều tra và lời khai tại phiên tòa của người liên quan có đủ căn cứ xác định ông Mào Văn N không hề biết việc Mào Văn T dùng chiếc xe mô tô của ông N để đi mua Heroine về sử dụng và chị Vàng Thị P2 không biết việc Vàng Văn P1 sử dụng chiếc điện thoại của chị để liên lạc trao đổi mua bán Heroine với T, do vậy ông N, chị P2 không đồng phạm trong vụ án này. Tại phiên tòa sơ thẩm, theo nội dung đơn xin xét xử vắng mặt của ông Mào Văn N và lời trình bày của chị Vàng Thị P2 tại phiên tòa đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại chiếc xe mô tô cho ông N và chiếc điện thoại Iphone 6S Plus cho chị P2.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Vàng Văn Phòng và Mào Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố đối với các bị cáo và không có ý kiến, khiếu nại về cáo trạng, các quyết định, kết luận tố tụng có trong hồ sơ vụ án, cũng như không tranh luận với quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Tại lời nói sau cùng các bị cáo nhận thức hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, các bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của bản thân và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để các bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, thể hiện: Vào khoảng 12 giờ 35 phút, ngày 10/5/2024, tại bản H, xã B, huyện P,

tỉnh Lai Châu, Vàng Văn P1 đã thực hiện hành vi bán trái phép 01 gói Heroine có khối lượng 0,25 gam cho Mào Văn T với giá 300.000 đồng. Đến 13 giờ 00 phút, cùng ngày, tại bản Phai Cát, xã K, huyện P, Công an xã M phát hiện, bắt quả tang Mào Văn T có hành vi tàng trữ trái phép 0,25 gam Heroine, mục đích để sử dụng. Ngay sau đó, Cơ quan điều tra đã tiến hành bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Vàng Văn P1, khám xét nơi ở của Phòng thu giữ được 02 gói Heroine có tổng khối lượng 0,29 gam, mục đích cất dấu Heroine để bán lẻ kiếm lời và 300.000 đồng thu giữ của Phòng, P1 khai do bán H1 cho T mà có. Như vậy, Vàng Văn Phòng phải chịu trách nhiệm hình sự cả về khối lượng H1 đã bán cho T và khối lượng Heroine bị cáo tàng trữ để bán kiếm lời, tổng là: 0,54 gam. Đối với 0,29 gam Heroine thu giữ của Vàng Văn Phòng, Cơ quan điều tra trích 0,17 gam gửi giám định chất ma túy, còn lại 0,12 gam. Đối với 0,25 gam Heroine thu giữ của Mào Văn T, Cơ quan điều tra trích 0,09 gam gửi giám định chất ma túy, còn lại 0,16 gam. Tổng khối lượng H1 còn lại sau giám định là : 0,28 gam.

Các bị cáo Vàng Văn P1 và Mào Văn T đều là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, có tính chất nghiêm trọng, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, ý thức được điều đó nhưng để thỏa mãn nhu cầu nghiện ma túy và bán kiếm lời từ Heroine, các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, do vậy cần phải xử lý nghiêm minh các bị cáo trước pháp luật. Trong vụ án này các bị cáo thực hiện tội phạm độc lập, nhưng có sự thống nhất về hành vi và đồng thuận ý chí liên quan đến nhau. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định: Hành vi của các bị cáo V1 Văn Phòng đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự, bị cáo Mào Văn T đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Về nhân thân: Các bị cáo P1 và T đều có nhân thân xấu, các bị cáo đều đã bị xét xử về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và cướp giật tài sản, mặc dù các bị cáo đã được xóa án tích, nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học để trở thành công dân tốt có ích cho xã hội, mà vẫn tiếp tục lao vào con đường phạm tội về ma túy; các bị cáo không có tiền án, tiền sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ hiểu biết pháp luật còn nhiều hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một khoảng thời gian nhất định, đồng thời cần có một mức hình phạt phù hợp nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 điều 249 và khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng, mặt khác các bị cáo còn phải chấp hành án phạt tù nên Hội đồng xét xử cần quyết định miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án: áp dụng điểm a, b, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 0,28 gam Heroine còn lại sau giám định, 02 mảnh nilon màu hồng, 02 mảnh nilon màu xanh, 01 khẩu trang màu trắng, 04 phong bì niêm phong đã mở, 01 chiếc quần bò. Xét thấy, vật chứng trên là vật cất tàng trữ, lưu hành là công cụ phạm tội, và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy; tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 300.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng; trả lại cho người quản lý hợp pháp là ông Mào Văn N, sinh năm 1957, trú tại bản P, xã K, huyện P, tỉnh Lai Châu 01 xe mô tô biển kiểm soát 25P1-047.44 kèm đăng ký xe; trả lại cho chị Vàng Thị P2, sinh năm 1999, trú tại bản Hợp 2, xã D, huyện P, tỉnh Lai Châu 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus; riêng 01 USB nhãn hiệu Kingston cần bảo quản lưu trữ cùng hồ sơ vụ án.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm xử lý vụ án tại phiên tòa là có cơ sở, không oan sai, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Riêng việc đề xuất áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần, đối với đề xuất áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Mào Văn T, Hội đồng xét xử không chấp nhận, bởi lẽ việc bị cáo T bị bắt quả tang khi đang tàng trữ trái phép Heroine, việc Cơ quan điều tra xác minh nguồn gốc số Heroine mà bị cáo T khai là tàng trữ để sử dụng có nguồn gốc từ đâu, có đúng là tàng trữ để sử dụng hay còn mục đích nào khác, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khi bắt quả tang đối với bị cáo T, cũng như qua lời khai của bị cáo, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra và đã xác minh được đối tượng bán Heroine cho bị cáo T là bị cáo P1, việc bị cáo T khi bị bắt đã trình bày, khai báo về nguồn gốc số Heroine bị cáo mua được từ đâu chỉ là thể hiện sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của bị cáo và trên cơ sở đó Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra ra người đã bán H1 cho bị cáo T để tiến hành bắt giữ, khám xét thu giữ thêm vật chứng, qua đó mới xác minh làm rõ được lời khai của bị cáo T có thật sự trung thực, thành khẩn và thật thà hay không, đó cũng là căn cứ để xác định chính xác tội danh đối với bị cáo T và bị cáo P1 và làm căn cứ để xem xét khi áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo ở điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, chứ đây không phải là hành vi giúp đỡ, hỗ

trợ Cơ quan điều tra phát hiện ra tội phạm mới hay đồng phạm khác trong vụ án như đại diện Viện kiểm sát đã ý kiến.

[7] Những nội dung khác trong vụ án: Về nguồn gốc ma túy, bị cáo Vàng Văn P1 khai mua của một người phụ nữ dân tộc Mông không rõ lai lịch, tuy nhiên ngoài lời khai của bị cáo ra thì không còn tài liệu, chứng cứ nào khác. Do vậy, không có căn cứ để điều tra, làm rõ xử lý người phụ nữ đã bán Heroine cho bị cáo trong cùng vụ án này.

[8] Về án phí: Tại phiên tòa, các bị cáo có ý kiến xin được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Xét thấy, bị cáo V1 Văn Phòng sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, còn bị cáo Mào Văn T gia đình thuộc hộ cận nghèo. Vì vậy, căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Quyết định số: Quyết định số: 861/QĐ-TTg, ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Vàng Văn P1 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, bị cáo Mào Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

1. Áp dụng khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự đối với bị cáo V1 Văn Phòng và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Mào Văn T; áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với cả 2 bị cáo P1 và T. Xử phạt bị cáo V1 Văn Phòng **02 (hai) năm 07 (bảy) tháng tù**; bị cáo Mào Văn T **01 (một) năm 07 (bảy) tháng tù**. Thời hạn tù của các bị cáo tính từ ngày 10/5/2024. Tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

2. Về vật chứng: áp dụng điểm a, b, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 0,28 gam Heroine còn lại sau giám định, 02 mảnh nilon màu hồng, 02 mảnh nilon màu xanh, 01 khẩu trang màu trắng, 04 phong bì niêm phong đã mở, 01 chiếc quần bò; tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 300.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng; trả lại cho người quản lý hợp pháp là ông Mào Văn N, sinh năm 1957, trú tại bản P, xã K, huyện P, tỉnh Lai Châu 01 xe mô tô biển kiểm soát 25P1-047.44, kèm 01 đăng ký xe mang tên Đèo Văn M; trả lại cho chị Vàng Thị P2, sinh năm 1999, trú tại bản Hợp 2, xã D, huyện P, tỉnh Lai Châu 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus; riêng 01 USB nhãn hiệu Kingston cần bảo quản lưu trữ cùng hồ sơ vụ án.

(*Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng hồi 08 giờ 00 phút ngày 23/8/2024 giữa Công an huyện P, tỉnh Lai Châu và Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu*).

**3. Về án phí:** Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

**4. Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- Công an huyện Phong Thổ (CQCSĐT; THAHS);
- Chi cục THADS huyện Phong Thổ;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Trại tạm giam CA tỉnh Lai Châu;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Huệ**

